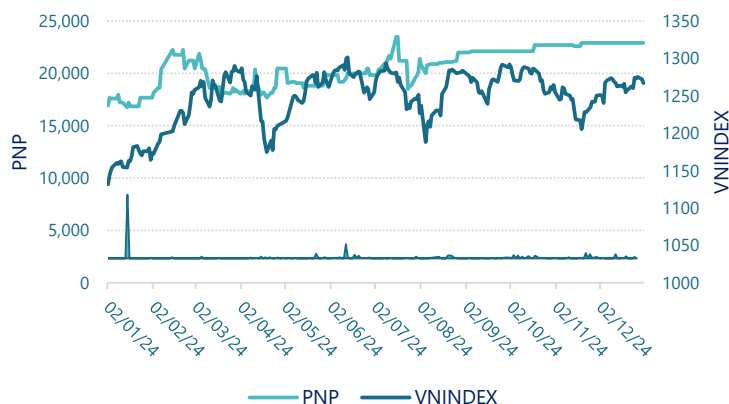


CTCP Tân Cảng - Phú Hữu (UPCOM: PNP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	22,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	23,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,753
SL cổ phiếu LH	16,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,370
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	369
P/E	8.6
EPS	2,669

DT thuần

Q4/24

87.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.20 | -4.5%

YoY: ▼11.2 | -11.3%

LN sau thuế

Q4/24

9.00

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.40 | -21.0%

YoY: ▼0.79 | -8.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

16.8%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2024

356

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.0 | 3.2%

LN sau thuế

2024

43.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.70 | 4.1%

ROE

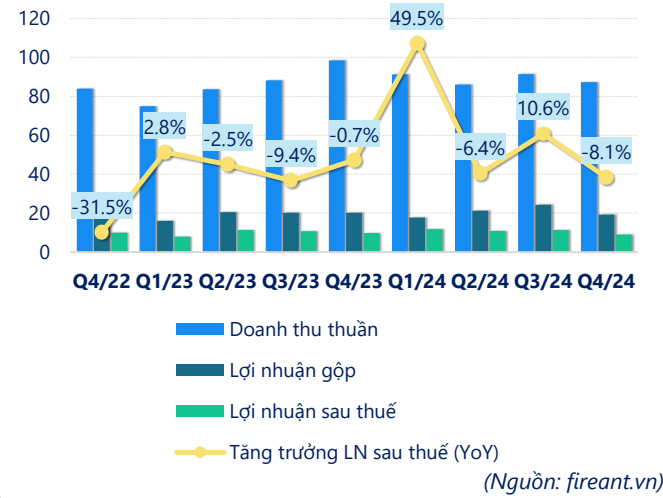
2024

18.9%

+/- YoY: ▲ 0.3%

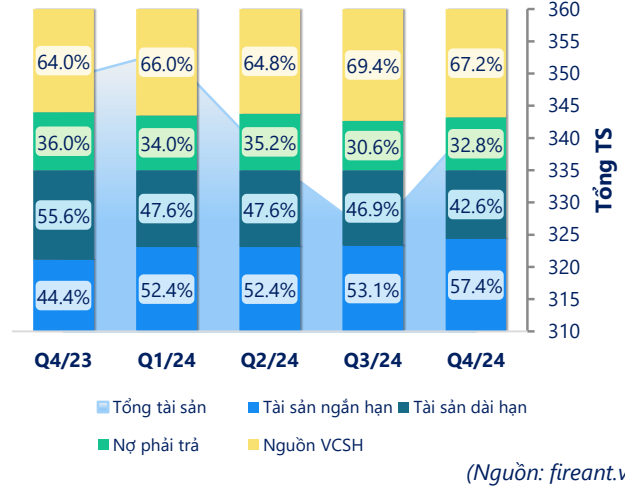
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

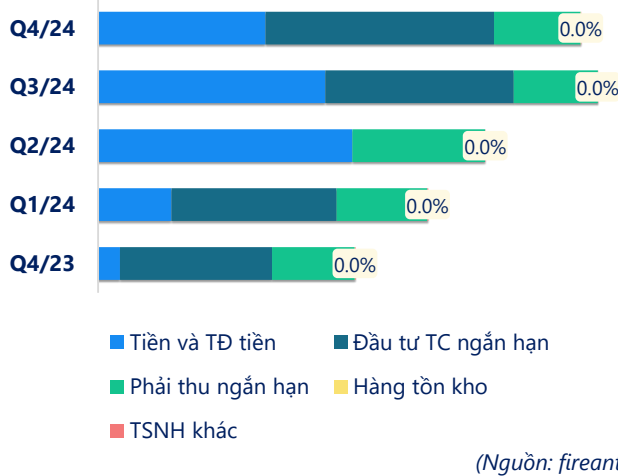


Cơ cấu Tổng tài sản

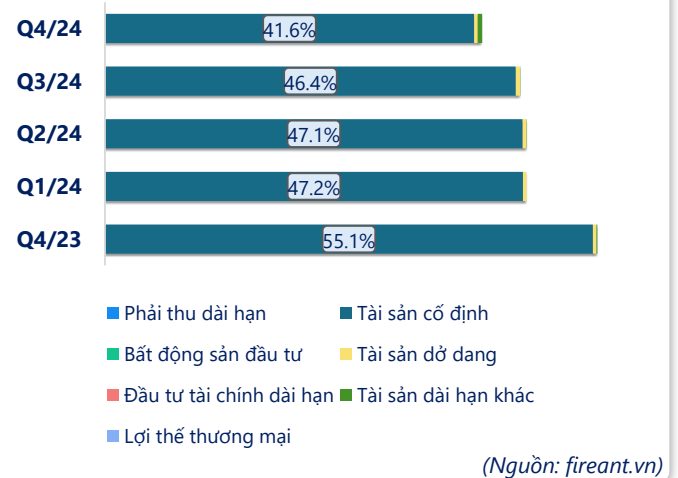
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

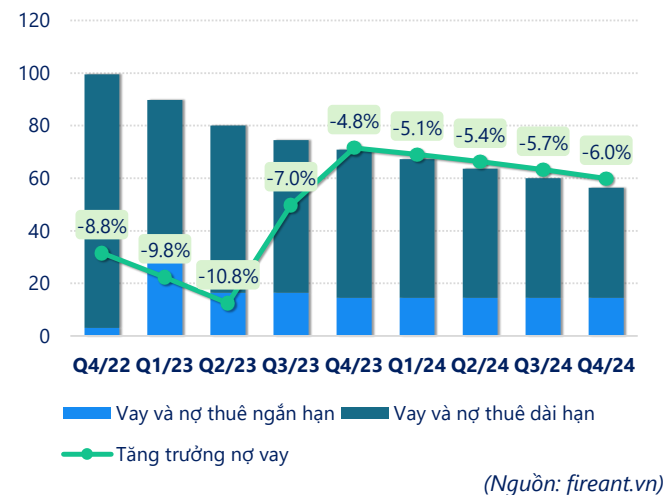


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



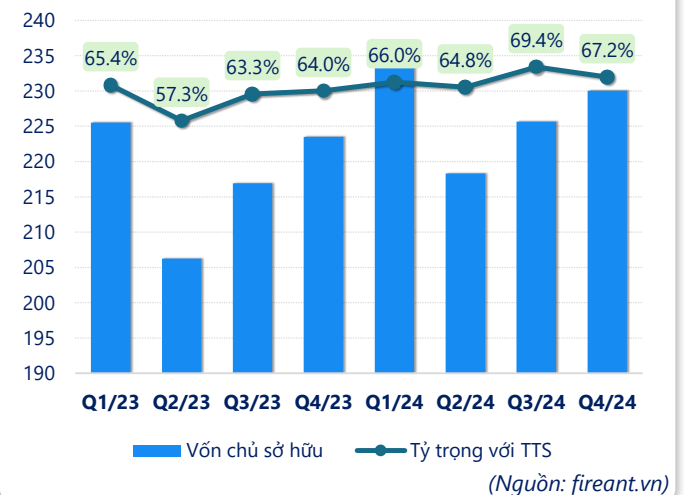
tỷ VNĐ

Nợ vay

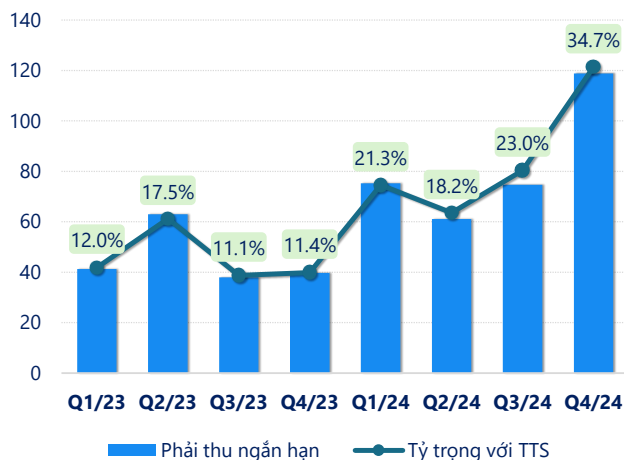


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

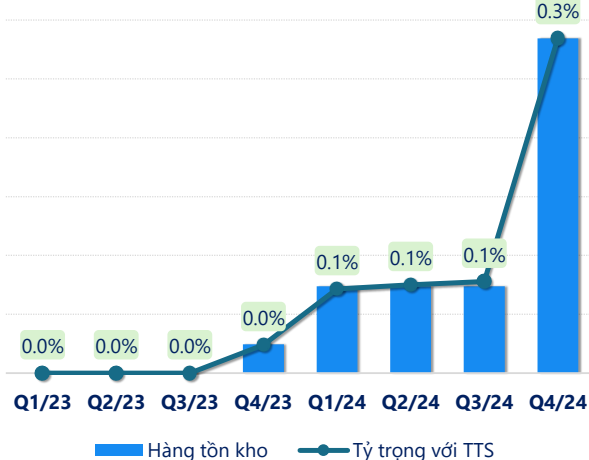


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


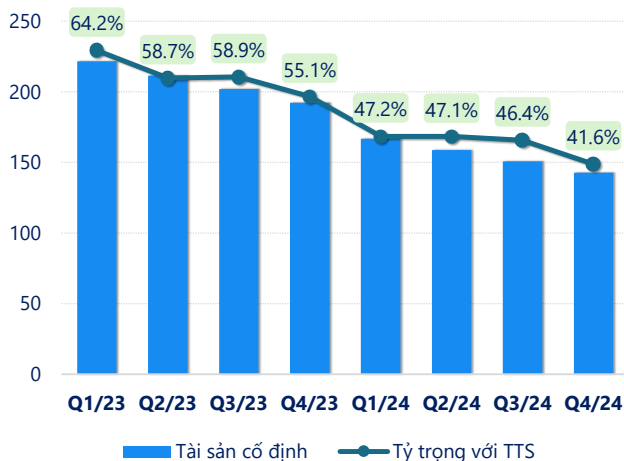
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


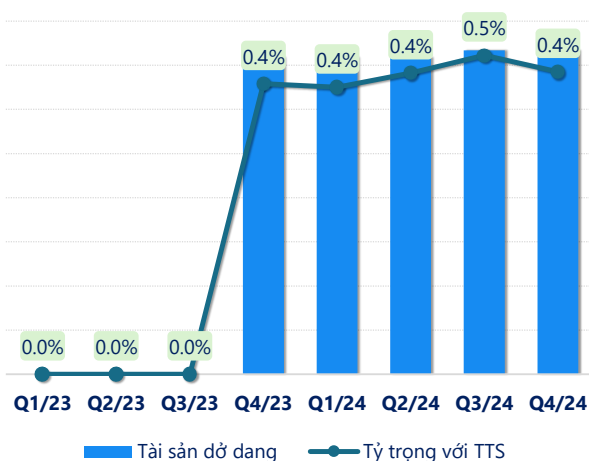
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

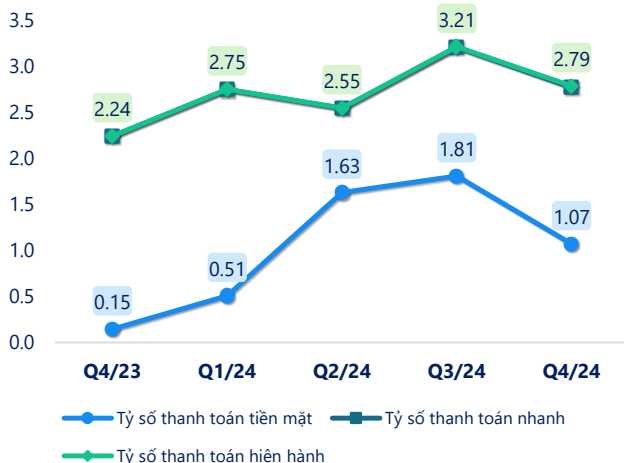
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

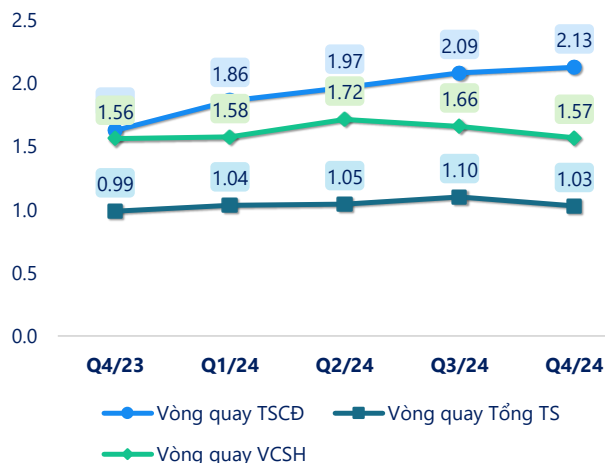
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	349	353	337	325	343
Tài sản ngắn hạn	155	185	176	173	197
Tiền và tương đương tiền	10.0	34.2	113	97.2	75.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105	75.0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	39.8	75.3	61.1	74.6	119
Hàng tồn kho	0.10	0.29	0.29	0.29	1.14
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	0.50	2.26	0.53	1.25
Tài sản dài hạn	194	168	160	152	146
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	192	167	159	151	143
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.44	1.44	1.44	1.47	1.47
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.30	0	0.20	0.18	1.73
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	126	120	118	99.3	112
Nợ ngắn hạn	69.1	67.3	69.2	53.7	70.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.4	14.4	14.4	14.4	14.4
Phải trả người bán ngắn hạn	36.6	24.4	12.2	12.9	36.1
Nợ dài hạn	56.4	52.8	49.2	45.6	42.0
Vay và nợ thuê dài hạn	56.4	52.8	49.2	45.6	42.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	224	233	218	226	230
Vốn chủ sở hữu	224	233	218	226	230
Vốn điều lệ	161	161	161	161	161
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)